

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2020/DS-PT

Ngày: 27 - 8 - 2020

V/v tranh chấp
“Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp

Các Thẩm phán:

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Ông Huỳnh Văn Ngoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2020/TLPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 366/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Anh **Lê Anh T**, sinh năm 1994 (vắng mặt);

2. Chị **Bùi Thị Thanh B**, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

-Người kháng cáo: Nguyên đơn Bà Lê Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Bà Lê Thị L trình bày:

Vào năm 2017, anh T có mượn của bà 02 lần tiền với số tiền là 60.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ mà chỉ

thỏa thuận miệng là khi nào cần thì lấy lại. Khi vay tiền, anh T có viết biên nhận nợ cho bà, cụ thể là biên nhận nợ ngày 25/9/2017, mượn số tiền là 20.000.000 đồng và biên nhận nợ ngày 23/8/2017, mượn số tiền là 40.000.000 đồng.

Từ lúc mượn tiền đến nay anh T đã đóng được 2.400.000 đồng tiền lãi đối với biên nhận nợ ngày 23/8/2017 và biên nhận nợ ngày 25/9/2017, anh T đóng được 600.000 đồng tiền lãi. Anh T đã đóng được tổng cộng 3.000.000 đồng tiền lãi thì ngưng không đóng lãi cũng như trả phần tiền nào khác.

Đến ngày 29/4/2018, bà có đến nhà tìm anh T đòi nợ nhưng không gặp anh T mà gặp mẹ của anh T là chị B và chị B có viết cam kết trả nợ cho anh T, cụ thể: Chị B cam kết ngày 16/5/2018, sẽ trả cho bà số tiền là 20.000.000 đồng và số tiền còn lại sẽ trả trong vòng 06 tháng nhưng đến nay chị B không trả khoản tiền nào cho bà.

Do đó, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T và chị B phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền anh T nợ là 60.000.000 đồng, yêu cầu trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ.

Bị đơn anh Lê Anh T trình bày:

Thông nhất có nợ bà L số tiền là 60.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Việc mượn tiền từ bà L không liên quan đến chị B. Nay anh T đồng ý trả nợ cho bà L theo yêu cầu của bà L.

Bị đơn chị Bùi Thị Thanh B trình bày:

Chị là mẹ của anh T. Anh T có nợ tiền của bà L, bà L đã rất nhiều lần đến nhà tìm T đòi nợ nhưng không gặp T, bà gây khó dễ cho gia đình nên chị có hứa sẽ cho tiền T để trả nợ nhưng do không có tiền nên không thể cho anh T được. Chị không có nhận trả nợ cho anh T mà chỉ nói sẽ cho tiền anh T để anh T có tiền trả cho bà L.

Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 463 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị L.

Buộc anh Lê Anh T có nghĩa vụ hoàn trả cho Bà Lê Thị L số tiền nợ là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì hàng tháng anh T còn phải trả thêm phần tiền lãi theo mức

lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị L đối với việc yêu cầu chị Bùi Thị Thanh B có nghĩa vụ liên đới cùng anh Lê Anh T trả số tiền nợ là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

3. Về án phí:

3.1. Buộc anh Lê Anh T phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Bà L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003193 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 23 tháng 3 năm 2020 nguyên đơn Bà Lê Thị L kháng cáo về việc không đồng ý với kết quả xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C do chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, buộc anh Lê Anh T và bà Bùi Thị Thanh B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 60.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày, tranh luận:

- Nguyên đơn: tiếp tục giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đối với bản sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận nội dung kháng cáo của bà buộc bà B phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ cùng với Lê Anh T theo nội dung đã cam kết.

- Bị đơn: Anh Lê Anh T và bà Bùi Thị Thanh B đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Lê Thị L tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy với nội dung cam kết của bà B chưa có cơ sở để xem xét chịu trách nhiệm liên đới trong việc trả nợ vay của anh Lê Anh T. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh và bảo vệ quyền lợi ích hợp của nguyên đơn theo nội dung kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Lê Thị L và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Bị đơn Lê Anh T và bà Bùi Thị Thanh B, đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, xét thấy bị đơn đã có lời khai, trình bày rõ nội dung về việc tranh chấp, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Anh T, bà Bùi Thị Thanh B theo quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của Bà Lê Thị L yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, buộc anh Lê Anh T và bà Bùi Thị Thanh B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 60.000.000 đồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, nội dung kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Ngày 25 tháng 9 năm 2017, anh Lê Anh T ký hợp đồng vay tiền (BL03) với Bà Lê Thị L vay số tiền 20.000.000 đồng, không thể hiện thời hạn vay, lãi suất hợp đồng có các điều khoản khác về cam kết hai bên, giải quyết tranh chấp, điều khoản chung, không có công chứng chứng thực, không thể hiện nội dung vay mượn tiền liên quan đến bà B.

- Ngày 23 tháng 8 năm 2017, anh Lê Anh T ký tiếp biên nhận tiền với Bà Lê Thị L (BL04) với số tiền 40.000.000 đồng, không thể hiện thời hạn vay, lãi suất, không công chứng chứng thực, không thể hiện nội dung vay mượn tiền liên quan đến bà B.

- Tại phiên tòa sơ thẩm bà L cung cấp một giấy có nội dung: Bà Bùi Thị Thanh B viết cam kết với nội dung “Nay ngày 14/3/AL2018 tôi cam kết với chị Lê Thị L Phường 6 M TG vào ngày mùng 02.4.AL2018 hỗ trợ cho T là còn số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho chị, sau đó sắp xếp thời gian hỗ trợ thêm số tiền còn lại trong thời gian 6 tháng kể từ ngày 2/4AL”(BL29).

- Bị đơn Lê Anh T thừa nhận số tiền nợ như biên nhận đã ký với Bà Lê Thị L, nhưng xác định số tiền mượn không liên quan đến bà Bùi Thị Thanh B.

- Tại các biên nhận tiền, hợp đồng vay tiền không thể hiện nội dung bà B là người cùng với anh T vay tiền của bà L.

- Theo bản tự khai ngày 12/02/2020 của bà B chỉ thể hiện việc bà L đến nhà để đòi số tiền vay của T nhiều lần, bà B hứa hỗ trợ cho T trả nợ chứ không có mượn tiền của bà L và khi giao dịch mượn tiền giữa T và bà L thì bà không biết và cũng không có nhận trả nợ cho T. Lời khai của bà B phù hợp với nội dung cam kết ngày 14/3/2018 âm lịch chỉ thể hiện nội dung hỗ trợ trả nợ, không thể hiện thừa nhận nợ với bà L và cũng không có tài liệu chứng cứ nào xác định bà B thừa nhận thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bên vay theo hợp đồng vay và biên nhận tiền giữa bà L với anh T.

Do đó, chỉ có căn cứ xác định anh T là người vay tiền của bà L thì anh T phải có nghĩa vụ trả nợ bà L, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc anh T có nghĩa vụ trả số tiền 60.000.000 đồng tiền nợ vay của bà L, không chấp nhận yêu cầu của bà L buộc bà B có nghĩa vụ liên đới trả nợ với anh T là có căn cứ đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác, các bị đơn vắng mặt, giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận gì khác so với cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ để xác định bà B phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà L như yêu cầu của Bà L khởi kiện và kháng cáo. Xét nội dung kháng cáo của bà L không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của không được chấp nhận nên bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Lê Thị L.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 264, 266, 267, 271, 273 và Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị L.

Buộc anh Lê Anh T có nghĩa vụ hoàn trả cho Bà Lê Thị L số tiền nợ là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì hàng tháng anh T còn phải trả thêm phần tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị L đối với việc yêu cầu chị Bùi Thị Thanh B có nghĩa vụ liên đới cùng anh Lê Anh T trả số tiền nợ là 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

3. Về án phí dân sự:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Lê Anh T phải chịu 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003193 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003553 ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-2020-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp